

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động kiểm soát
và công bố thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Phối hợp trong hoạt động kiểm soát và công bố thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy chế Phối hợp trong hoạt động kiểm soát và công bố thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát thủ tục hành chính; Cục kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VP Đoàn Đại biểu QH và HĐND tỉnh;
- Đài PTTH; Báo Lâm Đồng;
- TT công báo tỉnh; Web VP;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến

QUY CHẾ

**Phối hợp trong hoạt động kiểm soát và công bố thủ tục hành chính
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

*(Kèm theo Quyết định số 30 /2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong hoạt động kiểm soát và công bố thủ tục hành chính.

2. Quy chế này áp dụng từ khâu soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định các thủ tục hành chính, lấy ý kiến, đánh giá tác động thủ tục hành chính đến khi văn bản được công bố, niêm yết đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương ban hành.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc kiểm soát và công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng thời gian, tiến độ, nội dung, trình tự thực hiện, hạn chế tình trạng chất lượng sơ sài, kéo dài thời gian so với quy định.

2. Phát huy tính chủ động, tích cực và đề cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm soát, công bố, công khai thủ tục hành chính.

3. Việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và tuân thủ các quy trình theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ và tính khả thi cao của các quy định về thủ tục hành chính

1. Các thủ tục hành chính ban hành trong các văn bản quy phạm pháp luật phải quy định rõ ràng, cụ thể các bộ phận tạo thành của một thủ tục hành chính. Nội dung các quy định thủ tục hành chính phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; phù hợp với mục tiêu quản lý hành chính nhà nước; bảo đảm quyền bình đẳng của các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; tiết kiệm thời gian và chi phí của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước.

2. Các thủ tục hành chính được các Bộ, ngành Trung ương ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ phải được thống kê đầy đủ, kịp thời.

Điều 4. Thẩm quyền và phạm vi công bố thủ tục hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; việc công bố thủ tục hành chính thực hiện dưới hình thức ban hành quyết định theo khoản 5 Điều 1 Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 48/2013/NĐ-CP).

2. Phạm vi công bố thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 63/2010/NĐ-CP).

Chương II

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 5. Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính có trách nhiệm tổ chức đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo các tiêu chí: sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp, các chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP (thực hiện theo biểu mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành).

Báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính là một thành phần hồ sơ bắt buộc phải gửi Sở Tư pháp để thẩm định theo đúng quy định.

2. Sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tư pháp, cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, gửi hồ sơ dự thảo đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để trình ban hành theo quy định.

Điều 6. Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính

1. Sở Tư pháp hướng dẫn cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính điền các biểu mẫu đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ đối với từng thủ tục hành chính trong dự thảo khi được yêu cầu.

2. Sở Tư pháp chỉ thẩm định những dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính của các cơ quan soạn thảo sau khi đã tổ chức đánh giá tác động theo quy định tại điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và khoản 3, điều 1, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP.

3. Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo vẫn phải đánh giá tác động và lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản.

4. Nội dung thẩm định:

a) Sự cần thiết quy định thủ tục hành chính;

b) Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục hành chính;

c) Sự thống nhất, đồng bộ của thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính khác có liên quan;

d) Các bộ phận cơ bản tạo thành của thủ tục hành chính quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP;

đ) Các ý kiến khác.

Điều 7. Những trường hợp không thực hiện việc kiểm soát về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau mà không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

2. Thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

Chương III RÀ SOÁT, KIẾN NGHỊ ĐƠN GIẢN HÓA VÀ CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Mục 1 TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ TƯ PHÁP

Điều 8. Rà soát thủ tục hành chính

1. Xây dựng kế hoạch hàng năm và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kế hoạch rà soát.

2. Kiểm tra và xác nhận chất lượng rà soát của các cơ quan; tổng hợp kết quả rà soát dự thảo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; kiến nghị thực thi phương án đơn giản hóa thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Công bố thủ tục hành chính

1. Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

2. Kiểm tra chất lượng nội dung dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính của các sở, ban ngành; đối chiếu nội dung thủ tục hành chính đề nghị công bố với văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra các tài liệu đính kèm; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký công bố thủ tục hành chính.

Điều 10. Trong quản lý, khai thác dữ liệu thủ tục hành chính đã công bố

1. Công khai các văn bản chỉ đạo và triển khai các bộ thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.
2. Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng dẫn của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Bộ Tư pháp.
3. Tạo lập, duy trì đường kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Bộ Tư pháp.
4. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và UBND cấp huyện khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.
5. Thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh bao gồm thủ tục hành chính do Cục Kiểm soát thủ tục hành chính phiên bản cho địa phương và các thủ tục hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh mới ban hành, đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 11. Rà soát kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính

1. Căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện quy định thủ tục hành chính hoặc các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân, các sở, ngành, địa phương lập kế hoạch rà soát quy định, thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.
2. Điền các biểu mẫu rà soát, xây dựng phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính gửi Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Căn cứ phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt, các cơ quan sửa đổi, bổ sung những văn bản thuộc thẩm quyền hoặc dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung văn bản quy định thủ tục hành chính.

Điều 12. Công bố thủ tục hành chính

Trên cơ sở văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành có quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành quản lý, chậm nhất là 10 ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành thủ trưởng các sở, ban, ngành có trách nhiệm thông kê thủ tục hành chính mới phát sinh hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ, hủy bỏ; dự thảo Quyết định công bố và gửi toàn bộ nội dung đến Sở Tư pháp thẩm tra trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Trong quản lý, khai thác dữ liệu thủ tục hành chính đã công bố

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã duy trì hoạt động của Trang thông tin điện tử; cập nhật, bổ sung kịp thời các văn bản liên quan và

thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Sở Tư pháp.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

1. Sở Tư pháp:

a) Hàng năm, xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch truyền thông về kiểm soát thủ tục hành chính;

c) Kiểm tra, hướng dẫn các sở, cơ quan, đơn vị cấp huyện về thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

d) Hướng dẫn các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện kết nối với Trang thông tin điện tử của Sở, ban, ngành và với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;

đ) Theo dõi, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính của các Sở, ban, ngành, địa phương và cán bộ, công chức có trách nhiệm thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính để làm cơ sở bình xét thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các trường hợp đề nghị cấp trên khen thưởng;

e) Đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp cần thiết để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức;

f) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và các văn bản liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương trong việc tuân thủ trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, ban ngành:

a) Niêm yết công khai toàn bộ các thủ tục hành chính có liên quan đến người dân và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền công bố;

b) Xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính tại Sở, ban, ngành gửi Sở Tư pháp trước ngày 25/01 hàng năm;

c) Kiểm tra, hướng dẫn đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành (nếu có) về thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

d) Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai công tác kiểm soát thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Sở Tài chính:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ, kịp thời kinh phí cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Hướng dẫn các sở, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này để đánh giá trách nhiệm và kết quả thực hiện của Sở, ngành, địa phương, của người đứng đầu cơ quan, đơn vị làm cơ sở bình xét thi đua khen thưởng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, cổ động, lồng ghép trong các cuộc thi tuyên truyền về cải cách hành chính, cải cách và kiểm soát thủ tục hành chính.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện rà soát thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp rà soát thủ tục hành chính khi có yêu cầu của Sở, ban, ngành, thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác kiểm soát việc công khai, minh bạch và thực thi thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai công tác kiểm soát việc công khai, minh bạch và thực thi thủ tục hành chính của địa phương.

Điều 16. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ báo cáo 6 tháng, 1 năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thống nhất theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành.

2. Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Kiểm soát thủ tục hành chính – Bộ Tư pháp theo quy định.

Điều 17. Kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

1. Kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Nội dung kiểm tra, gồm:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

b) Công tác kiểm soát quy định về thủ tục hành chính tại các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

c) Công tác kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính;

d) Công tác rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;

đ) Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

e) Nội dung khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính được bảo đảm từ nguồn ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm lập dự toán kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.

2. Giao Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thực hiện Quy chế này. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến